

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành danh mục công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số /TTr-SCT ngày tháng 8 năm 2025, ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (chi tiết như Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành danh mục công trình thủy điện lớn, vừa, nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Tài nguyên, Xây dựng, Tài chính; Chủ tịch UBND các xã nơi xây dựng công trình thủy điện (các xã tại cột địa điểm xây dựng, Phụ lục kèm theo); Chủ sở hữu, các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành, khai thác đập, hồ chứa công trình thủy điện quy định tại Điều 1 Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTAT&MTCT - Bộ Công Thương;
- VPUB: PCVP;
- Lưu: VT, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN LỚN, VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND tỉnh ngày /8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình thủy điện	Dung tích toàn bộ hồ chứa (10 ⁶ m ³)	Chiều cao lớn nhất của đập (m)	Công suất lắp máy (MW)	Địa điểm xây dựng	Ghi chú
I	Công trình thủy điện lớn					
1	Đakđrinh	248,51	99	125	Các xã: Măng Bút, Sơn Tây Thượng, Sơn Tây	
2	Thượng Kon Tum	145,52	76	220	Các xã: Măng Đen, Kon Plông, Đắk Kôi	
3	Hà Nang	Hồ Hà Nang: 23,44	35,9	11	Xã Trà Bồng	
		Hồ Trà Cân: 0,308	24			
4	Đăk Psi	Hồ chứa bậc 1: 19,99	20,9	Nhà máy bậc 1: 12	Các xã: Đăk Pxi, Tu Mơ Rông	
		Hồ chứa bậc 2: 3,81	19,5	Nhà máy bậc 2: 6		
5	Đăk Re	Hồ Đăk Re: 10,35	43,5	60	Các xã: Kon Plông, Ba Xa	
		Hồ 3: 0,261	11			
6	Sơn Trà 1	6,83	52,28	Nhà máy 1A: 30	Các xã: Sơn Tây Hạ, Sơn Kỳ	
				Nhà máy 1B: 30		
7	Đăk Bla 1	4,6	17	15	Xã Kon Bراهيم	

8	Plei Kần	4,558	21,5	17	Các xã: Bờ Y, Dục Nông, Ngọc Tụ	
9	Đăk Psi 3	3,53	47	15	Các xã: Đăk Pxi, Tu Mơ Rông	
10	Đăk Pô Cô	3,389	15	15	Xã Đăk Tô	
11	Đăk Psi 2B	Hồ chứa đập chính: 2,91	31,2	14	Các xã: Măng Ri, Tu Mơ Rông	
		Hồ chứa đập phụ: 0,00044	6,8			
12	Sơn Trà 1C	2,11	25	9	Các xã: Sơn Tây Hạ, Sơn Kỳ	
13	Đăk Psi 4	1,797	27,4	30	Các xã: Đăk Pxi, Tu Mơ Rông	
14	Đăk Psi 5	1,56	22	10	Xã Đăk Pxi	
15	Đăk Psi 6	1,201	23,5	12	Các xã: Đăk Pxi, Đăk Tô	
16	Kà Tinh	Hồ Kà Tinh 1: 0,925	24,5	7	Các xã: Trà Bồng, Thanh Bồng	
		Hồ Kà Tinh 2: 0,53	20	5		
17	Thượng Sơn Tây	0,921	21,6	12	Các xã: Sơn Tây, Sơn Tây Thượng	
18	Đăk Ba	0,784	24,5	30	Các xã: Sơn Tây, Sơn Tây Thượng	
19	Sơn Tây	0,535	31,5	18	Các xã: Sơn Tây, Sơn Tây Thượng	
20	Đăk Nghé	0,494	15,00	7,0	Các xã: Măng Đen, Đăk Kôi	
21	Đăk Robaye	0,485	23	10	Xã Kon Plông	

22	Đăk Re 2	Hồ A: 0,109	19	10	Xã Ba Xa	
		Hồ B: 0,367	19			
23	Đăk Rơ Sa	0,298	16,7	7,5	Các xã: Ngọc Tụ, Kon Đào	
24	Đăk Ne	0,28	20,0	8,1	Các xã: Đăk Kôi, Kon Braih, Măng Đen	
25	Nam Vao 2	0,264	16,00	8,6	Xã Măng Bút	
26	Bo Ko 2	0,233	22	12,6	Xã Kon Plông	
27	Đăk Pône 2AB	Hồ A: 0,172	15,5	5,1	Xã Đăk Rve	
		Hồ B: 0,23	16,7			
28	Thượng Nam Vao	0,204	15,50	9,8	Xã Măng Bút	
29	Đăk Piu 2	0,2	23,5	4	Xã Dục Nông	
30	Đăk Trưa 2	0,184	19	4	Xã Đăk Pxi	
31	Nước Long	Hồ chính: 0,155	23	26	Các xã: Kon Plông, Ba Vì	
		Hồ phụ 1: 0,009	10,5			
		Hồ phụ 2: 0,002	12,5			
32	Thượng Đăk Psi	Hồ chứa đập chính: 0,117	16	Nhà máy hồ chính: 6,6	Các xã: Măng Ri, Đăk Pxi	
		Hồ chứa đập phụ 1: 0,072	16,5	Nhà máy hồ phụ: 2,4		
		Hồ chứa đập phụ 2: 0,04	4,5			
33	Đăk Pru 1	0,072	16	7	Các xã: Đăk Plô, Đăk Pék	
34	Nước Long 2	0,063	15	6,4	Xã Kon Plông	
35	Đăk Lô 2	0,056	20	7,7	Xã Kon Plông	
36	Đăk Ter 1	0,04	15	3,6	Xã Tu Mơ Rông	

II Công trình thủy điện vừa						
1	Đăk Lô	Hồ A: 0,282	14,3	22	Các xã: Măng Đen, Kon Plông	Hồ B1: Thông qua Chizon, nước từ hồ B1 bổ sung vào tuyến đường hầm dẫn về tháp điều áp
		Hồ B: 0,003	11,7			
		Hồ B1: 0,004	-			
2	Đăk Trưa 1	0,137	14,5	4,8	Xã Đăk Pxi	
3	Sông Riêng	0,125	14,5	2,95	Xã Tây Trà	
4	Đăk Lây	0,11	12	3,2	Xã Măng Ri	
5	Đăk Grét	0,080	13,70	3,6	Xã Đăk Kôi	
6	Đăk Xú	0,075	12,10	2,2	Xã Bờ Y	
7	Huy Măng	0,065	10,5	1,8	Xã Sơn Tây	
8	Đăk Pône 2	0,02	13,4	3,6	Các xã: Măng Đen, Đăk Rve	
9	Đăk Pia	0,029	14,5	2,2	Xã Đăk Kôi	
III Công trình thủy điện nhỏ						
1	Đăk Rơ Sa 2	0,12	7,6	2,4	Xã Ngọc Tụ	
2	Nước Long 1	0,063	8	3,2	Xã Kon Plông	
3	Cà Đú	0,025	7,08	2,6	Xã Trà Bồng	
4	Đăk Pône	Hồ A: 0,015	9,7	14	Xã Măng Đen	

		Hồ B: 0,022	7,2			
5	Đăk Ter 2	0,004	8,8	3,4	Xã Tu Mơ Rông	

Ghi chú: Ngoài các công trình nêu trên, trên địa bàn tỉnh hiện còn có công trình thủy điện Plei Krông (công suất 100MW), được phân loại vào danh mục công trình thủy điện quan trọng đặc biệt theo Quyết định số 2171/QĐ-BCT ngày 28/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; đồng thời có 04 công trình thủy lợi kết hợp thủy điện, cụ thể: i) Hồ cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla, công suất 27MW; ii) Công trình thủy lợi kết hợp thủy điện Nước Trong, công suất 16,5MW; iii) Công trình thủy lợi kết hợp thủy điện Núi Ngang, công suất 0,7MW; iv) Công trình thủy lợi kết hợp thủy điện Thạch Nham, công suất 10MW.
